SỞ Y TẾ THANH HÓA
**BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN NHƯ THANH**
Số: 127/TB-BVNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Như Thanh, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

# YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam**

Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa Như Thanh với nội dung cụ thể như sau:

## I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh
Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông: Quách Văn Thiện – Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh.
Điện thoại: 0969029456
Email: bsthien0410@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Kế hoạch tổng hợp, bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh.
Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 18 tháng 03 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 28 tháng 03 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 03 năm 2025.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá:

| TT | Đặc tính kỹ thuật và cấu hình thiết bị | Số lượng |
|---|---|---|
| 1 | **Máy nội soi Tai Mũi Họng**<br>**<u>Cấu hình:</u>**<br>Xử lý ảnh nội soi: 1 cái<br>Nguồn sáng nội soi: 1 cái<br>Màn hình 24 inch: 1 cái<br>Dây dẫn sáng ø4mm, chiều dài 2m: 1 cái<br>Ống soi tai mũi họng 0 độ 4mmx175mm: 1 cái<br>Ống soi tai mũi họng 70 độ 4mmx175mm: 1 cái<br>Camera nội soi (có coupler): 01 cái<br>Xe đẩy: 1 cái<br>Phụ kiện bổ trợ (bàn đạp chân, dây AV/BNC, dây nguồn): 1 cái<br>**<u>Đặc tính:</u>**<br>Sử dụng cảm biến SONY công nghệ Nhật Bản<br>Chip LED nhập khẩu, độ ổn định và chỉ số hoàn màu cao, giúp tái tạo màu sắc hình ảnh một cách chân thực<br>Tay camera thiết kế dạng bút, t on gọn, trọng lượng nhẹ hạn chế gập gãy, giảm mệt mỏi cho Bác sĩ khi làm việc lâu dài<br>Cân bằng trắng tự động lấy màu sắc trung thực<br>Dừng hình bằng bàn đạp chân<br>Độ phóng đại 0X-8X<br>**<u>Thông số kỹ thuật:</u>**<br>**Xử lý ảnh**<br>Cảm biến hình ảnh 1/2" SONY Exmor CMOS<br>Điểm ảnh hiệu quả: 1945 (H) * 1097 (V)<br>Độ phân giải ngang: 1080TVL<br>Kích thước ảnh: 1920*1080p<br>Tỉ lệ khung hình: (1920*1080)30fps \| 60fps<br>Chế độ quét: quét lũy tiến<br>Tín hiệu đầu ra: HDMI*4; CVBS*2<br>Độ nhạy sáng: 0.001 Lux<br>Chức năng: cân bằng trắng, dừ g hình, thu phóng<br>**Nguồn sáng**<br>Công suất: 70W<br>Nguồn sáng: chip LED nhập khẩu<br>Tuổi thọ: 50.000 giờ<br>Độ sáng: ≥600.000lux<br>Nhiệt độ màu: ≥6500K<br>Dây sáng chuẩn Wolf, Storz dài 2m<br>Cường độ sáng: 0-100% (điều chỉnh được) | 01 cái |

| TT | Đặc tính kỹ thuật và cấu hình thiết bị | Số lượng |
|---|---|---|
| | **Màn hình**<br>Kích thước: LG Full HD 24inch<br>Độ phân giải: 1920*1080<br>Cường độ sáng: 250cd/m2 | |
| **2** | **Máy monitor theo dõi bệnh nhân**<br>**<u>Cấu hình và phụ kiện kèm theo:</u>**<br>- Máy chính: 1 bộ<br>- Dây nguồn: 1 chiếc<br>- Dây điện cực điện tim: 1 chiếc<br>- Điện cực dán điện tim: 25 chiếc<br>- Ống nối đo huyết áp cho trẻ em người lớn: 1 chiếc<br>- Bao huyết áp trẻ em: 1 chiếc<br>- Bao huyết áp người lớn: 1 chiếc<br>- Đầu đo SpO2: 1 chiếc<br>- Đầu đo nhiệt độ: 1 chiếc<br>- Ắc quy tự nạp:1 chiếc<br>- Xe đẩy inox Việt Nam: 01 chiếc<br>- Tài liệu HDSD Tiếng Việt: 01 bộ<br>**<u>Đặc tính kỹ thuật:</u>**<br>**Tính năng chung**<br>Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản trong hồi sức cấp cứu: ECG, Nhịp thở, $SpO_2$/mạch, NIBP, nhiệt độ<br>Có thể kết nối mạng và tạo thành hệ thống với máy trung tâm theo dõi<br>Có chức năng kết nối giữa các máy với nhau<br>Màn hình màu, tinh thể lỏng, loại cảm ứng<br>Màn hình số hiển thị lớn, có thể quan sát từ xa<br>Có chức năng phát hiện loạn nhịp và gọi lại<br>**Hiển thị**<br>Màn hình màu, cảm ứng, loại TFT LCD<br>Kích thước màn hình 10.4 inches, độ phân giải 800 x 600 điểm ảnh<br>Hiển thị sóng: nhịp tim, nhịp thở, sóng xung SpO2, IBP….<br>Số vết sóng tối đa: 6 vết<br>Hiển thị số: nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ,…<br>Có thể đánh dấu đồng bộ với nhịp tim, nhịp thở và mạch<br>Có thể cài đặt 12 màu hiển thị số đo và dạng sóng trên màn hình<br>Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/giây<br>**Chức năng báo động**<br>Các mức báo động: có 3 mức: khẩn cấp, cảnh báo và thông báo<br>Các mục báo động: tín hiệu sống, loạn nhịp, kỹ thuật<br>Mục báo động tín hiệu sống: nhịp tim, nhịp xung, | 01 cái |

| TT | Đặc tính kỹ thuật và cấu hình thiết bị | Số lượng |
|---|---|---|
| | mức chênh ST, nhịp thở ngừng thở, nhiệt độ, mức chênh nhiệt độ, SpO2, NIBP, …<br>Báo động loạn nhịp: Asystole, VF, VT, VPC…<br>Chỉ thị báo động: Đèn chỉ thị, âm thanh báo động và đánh dấu tin nhắn<br>Có thể ngưng báo động trong vòng 1, 2, 3 phút<br>Khả năng lưu lịch sử báo động: 120h<br>**Máy in**<br>- Phương pháp in: ma trận nhiệt<br>- Số kênh in: 3 kênh<br>- Chế độ ghi: bằng tay, chu kỳ, báo động<br>- Mật độ dòng: 8 dot/mm<br>- Tốc độ giấy: có thể lựa chọn 12.5, 25 và 50 mm/s<br>**Điện áp cung cấp**<br>AC và DC<br>- AC: 100-240V, 50/60Hz<br>- DC: ắc quy lắp trong máy, thời gian hoạt động 6 giờ<br>**Các thông số đo**<br>ECG:<br>- Số lượng điện cực: 3<br>- Dải động đầu vào: ≥ ± 5mV<br>- Nhiễu nội bộ: ≤ 30µVp-p<br>- Hệ số chống nhiễu đồng pha: ≥ 95dB<br>- Điện trở đầu vào: ≥ 5MΩ (tại 10Hz)<br>- Dòng phân cực đầu vào: ≤ 100 nA<br>- Tần số đáp ứng: chế độ chẩn đoán: 0.05 đến 150Hz<br>- Độ nhạy hiển thị: có thể lựa chọn tự động hoặc bằng tay các giá trị 10mm/mV x 1/4, x 1/2, x1, x2, x4, hoặc tự động<br>- Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10giây<br>Nhịp tim<br>- Phương pháp đo: trung bình chuyển động<br>- Dải đo: 0, 15 đến 300 nhịp/phút<br>- Sai số: ± 2 nhịp/phút<br>- Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động<br>Phân tích loạn nhịp<br>- Phương pháp phân tích: Phương pháp kết hợp đa mẫu<br>- Số kênh: 1<br>- Tỷ lệ đếm VPC: từ 0 đến 99VPC/phút<br>- Số file loạn nhịp gọi lại: 120h<br>- Thời gian lưu cho từng đoạn: 10 giây<br>Mức chênh ST | |

| TT | Đặc tính kỹ thuật và cấu hình thiết bị | Số lượng |
|---|---|---|
| | - Số kênh: 1<br>- Dải đo mức chênh ST: ±2.5mV<br>Nhịp thở<br>- Phương pháp đo: trở kháng<br>- Dải đo: 0-150 nhịp/phút<br>- Sai số: ± 2 nhịp/phút<br>- Trở kháng đo: khoảng 220Ω đến 4kΩ<br>- Nhiễu nội bộ: ≤ 0.2 Ω<br>- Hiển thị độ nhạy: 5 giá trị 10mm/ 1 Ω x 1/4, x1/2, x1, x2, x4<br>- Tần số đáp ứng: 3Hz<br>- Có thể chống sốc 400Ws/DC5kV<br>- Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10giây<br>- Có thể theo dõi ngừng thở: thời gian từ 5 đến 40 giây<br>SpO2<br>- Dải đo: 0-100%<br>- Dải hiển thị: khoảng 70 đến 100%<br>- Sai số: ±2%(80-100%), ±3%(70-<80%)<br>- Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động<br>- Có âm thanh báo hiệu với âm sắc thay đổi theo sự thay đổi của trị số đo SPO2<br>- Độ nhạy dạng sóng: Có thể lựa chọn tự động hoặc bằng tay các giá trị x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4 và x8<br>- Đo mạch: dải đo 30-300 nhịp/phút<br>Nhiệt độ<br>- Dải đo: 0ºC - 45ºC ± 0,2ºC (25-45 độ C), ± 0,3ºC (0-<25 độ C)<br>- Độ xê dịch: ± 0,005ºC/ºC<br>- Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động<br>- Huyết áp không xâm nhập (NIBP)<br>- Phương pháp đo: dao động kế<br>- Dải đo: 0-300 mmHg ± 3mmHg<br>- Phương thức đo: bằng tay, theo chu kỳ, liên tục<br>- Thời gian đo tối đa: người lớn/trẻ em: ≤ 160 giây, trẻ sơ sinh: ≤ 80 giây<br>- Giá trị áp suất tối đa: người lớn/trẻ em 300mmHg, trẻ sơ sinh: 150mmHg<br>- Có giới hạn áp suất và Thời gian khi bơm để đảm bảo an toàn<br>- Có báo hiệu bằng âm thanh khi kết thúc chu kỳ đo<br>- cập nhật số đo: Theo từng lần đo<br>- Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10 giây | |
| **3** | **Máy truyền dịch**<br>**I. <u>Cấu hình cho mỗi máy</u>**<br>- Máy chính : 01 cái<br>- Dây nguồn: 01 cái<br>- Bộ cảm biến đếm giọt: 01 bộ<br>- Kẹp cọc truyền: 01 cái<br>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ<br>**II. <u>Thông số kỹ thuật</u>**<br>- Có màn hình màu 4.3 inch hiển thị các thông số<br>- Nguồn điện DC: Ắc quy loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục 5 tiếng khi mất điện lưới. | 01 cái |

| TT | Đặc tính kỹ thuật và cấu hình thiết bị | Số lượng |
|---|---|---|
| | - Có thêm pin phụ hỗ trợ báo động trong trường hợp hỏng ắc quy và mất điện lưới.<br>- Có đèn báo lỗi và tình trạng của máy<br>- Cài đặt các thông số bằng phím mềm và núm xoay<br>- Tốc độ truyền:<br>+ 3 đến 300mL/giờ (đối với dây truyền 20 giọt/mL)<br>+ 1 đến 100 mL/giờ (đối với dây truyền 60 giọt/mL)<br>+ Bước đặt: 1 mL/giờ<br>- Giới hạn thể tích dịch truyền:<br>+ 0.10 đến 100 mL (bước đặt 0.1 mL)<br>+ 100 đến 9,999 mL (bước đặt 1 mL)<br>+ Có chế độ không cài đặt giới hạn thể tích dịch truyền,<br>- Giới hạn thời gian truyền:1 phút đến 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút)<br>- Đặt tốc độ truyền nhanh (Bolus) khi ấn và giữ phím:<br>+ 100 đến 300 mL/giờ (đối với dây truyền 20 giọt/mL) hoặc hơn<br>+ 100 mL/giờ (đối với dây truyền 60 giọt/mL) hoặc hơn<br>+ Bước đặt 100 mL/ giờ<br>- Đặt thể tích dịch truyền nhanh khi không cần ấn và giữ phím:<br>+ 0.01 đến 10 mL (bước đặt 0.01mL)<br>+ 10 đến 100 mL (bước đặt 0.1 mL)<br>+ 100 đến 999 mL (bước đặt 1 mL)<br>- Đặt thời gian truyền nhanh khi không cần ấn và giữ phím:1 giây đến 60 phút hoặc hơn (bước đặt 1 giây)<br>- Dải hiển thị thể tích dịch đã truyền:<br>+ 0 đến 10 mL hoặc hơn<br>+ 10 đến 100 mL hoặc hơn<br>+ 100 đến 9,999 mL hoặc hơn<br>- Độ chính xác:± ≤ 10%<br>- Ngưỡng áp lực báo tắc đường truyền:<br>+ Ngưỡng áp lực báo tắc trên: -100 đến -30 kPa<br>+ Ngưỡng áp lực báo tắc dưới: 30 đến 120 kPa<br>+ Có 10 mức cài đặt ngưỡng áp lực báo tắc dưới<br>- Tốc độ truyền nhanh: 300 mL/giờ<br>- Báo động trong các trường hợp:<br>+ Tắc đường truyền trên<br>+ Tắc đường truyền dưới<br>+ Gần hết dịch<br>+ Có khí trong dây truyền<br>+ Cửa bơm mở<br>+ Tốc độ truyền bất thường<br>+ Dòng chảy tự do<br>+ Truyền hết chai dịch<br>+ Ắc quy yếu<br>+ Báo động tắt máy<br>+ Báo động khi ắc qui hỏng và mất điện lưới<br>+ Báo động lại<br>+ Nhắc ấn phím START.<br>+ Chưa cài đặt tốc độ truyền | |

| TT | Đặc tính kỹ thuật và cấu hình thiết bị | Số lượng |
|---|---|---|
| | + Chưa cài đặt thể tích dịch định truyền<br>+ Tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền<br>+ Hoàn thành thể dịch đặt trước.<br>- Các chức năng an toàn:<br>+ Chọn áp lực báo tắc đường truyền ở 10 mức<br>+ Chọn độ nhạy báo động có khí trong dây truyền ở 2 mức.<br>+ Chức năng cài đặt phát hiện gần hết thể tích dịch truyền<br>+ Đường truyền tự động bị kẹp lại khi cửa bơm mở<br>+ Cài đặt giới hạn dải tốc độ A (giới hạn mềm)<br>+ Cài đặt giới hạn dải tốc độ B (giới hạn cứng)<br>+ Khóa bàn phím để tránh ấn nhầm phím khi máy đang hoạt động<br>+ Chức năng giảm tốc bolus<br>- Các chức năng khác:<br>+ Hiển thị hướng dẫn lắp dây truyền trên màn hình LCD<br>+ Hiển thị loại dây truyền đang sử dụng trên màn hình LCD.<br>+ Chọn loại dây truyền dịch trên màn hình LCD<br>+ Chọn thể tích giọt truyền<br>+ Hiển thị thể tích giọt truyền<br>+ Cài đặt thể tích dịch định truyền<br>+ Cài đặt thời gian định truyền<br>+ Có âm báo ở chế độ truyền nhanh Purge/Bolus<br>+ Xóa thể tích dịch đã truyền<br>+ Chế độ chờ Standby<br>+ Cài đặt thời gian chờ trong chế độ chờ<br>+ Điều chỉnh âm lượng chuông báo động<br>+ Điều chỉnh âm lượng bàn phím<br>+ Có âm báo khi ấn nút STOP<br>+ Có 5 mức điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD<br>+ Đặt và báo thời gian bảo trì thiết bị<br>+ Cài đặt ngày giờ<br>+ Lưu và xem dữ liệu: 10,000 sự kiện<br>+ Phát hiện có nguồn điện lưới AC<br>+ Có âm báo khi phát hiện có nguồn điện lưới AC<br>+ Cài đặt giới hạn trên của thể tích Purge/ Bolus<br>+ Duy trì đường tiêm mở<br>+ Xóa dịch đã truyền khi máy vẫn đang hoạt động<br>+ Thay đổi tốc độ khi máy đang hoạt động<br>+ Chọn giai điệu chuông báo<br>+ Chọn bước cài đặt 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt<br>+ Truyền nhanh bằng cách ấn và giữ phím<br>+ Chế độ truyền nhanh không cần ấn và giữ phím<br>+ Chức năng gọi phím tắt<br>+ Có âm báo khi tắt nguồn. | |
| **4** | **Máy xoa bóp bằng áp lực hơi dùng trong y tế**<br>**<u>Cấu hình cung cấp:</u>**<br>Máy chính: 01 cái | 01 cái |

| TT | Đặc tính kỹ thuật và cấu hình thiết bị | Số lượng |
|---|---|---|
| | Ống kết nối: 01 cái<br>Bao chân: 02 cái<br>Bao tay: 01 Cái<br>Bao eo: 01 Cái<br>Điều khiển từ xa: 01 cái<br>Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 bộ<br>**Thông số kỹ thuật:**<br>Số khoang hơi: 4<br>Áp lực nén: 30-220 mmHg<br>Có thể lựa chọn cài đặt áp lực trên mỗi kênh mỗi 5mmHg<br>Màn hình hiển thị: LCD<br>Chế độ nén: 3 chế độ mặc định, tự cài đặt<br>Bơm có độ ồn thấp<br>Cung cấp kèm điều khiển từ xa<br>Thời gian điều trị: từ 5-95 phút<br>Nguồn cấp: 230/50Hz/30W<br>Kích thước sản phẩm: 190x230x130mm<br>Trọng lượng: 2,3kg | |
| **5** | **Dây điện cực điện tim loại 3 điện cực (Cáp nối 3 điện cực)** | 05 cái |
| **6** | **Bóng đèn Halogen 15V/150W (có choá)** | 06 cái |

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:

Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh

Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa

Bên bán chịu trách nhiệm vận chuyển giao hàng tại kho bên mua.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không quá 90 ngày kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu bàn giao hàng.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN NHƯ THANH TỈNH THANH HÓA

**Hoàng Công Hưng**